

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2015/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 11 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2016 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-CP ngày 30/5/2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Lào Cai;

Sau khi xem xét Tờ trình số 175/TTr-UBND ngày 26/11/2015 của UBND tỉnh về đề nghị thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng năm 2016; báo cáo thẩm tra số 90/BC-HĐND ngày 04/12/2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh dự kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2016 trên địa bàn tỉnh Lào Cai với các nội dung sau:

Tổng số dự án phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2016 của các huyện, thành phố: **262 dự án**; Diện tích đất dự kiến phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất: **1.465,51** ha trong đó:

1. Số dự án phải thu hồi đất năm 2016 của các huyện, thành phố: **258 dự án**; Diện tích đất dự kiến phải thu hồi: **1.429,71** ha, gồm:

- Diện tích đất trồng lúa dự kiến: **68,02** ha;

- Diện tích đất rừng phòng hộ dự kiến: **45,32** ha;
- Diện tích các loại đất khác còn lại dự kiến: **1.316,37** ha.

Phân loại dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai:

1.1. Dự án xây dựng trụ sở cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội; Công trình di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp cấp địa phương: **60 dự án.**

1.2. Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm: Giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị, thu gom xử lý chất thải: **145 dự án.**

1.3. Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, Nhà ở xã hội, nhà công vụ, xây dựng công trình tôn giáo, khu văn hoá, vui chơi giải trí phục vụ công cộng, chợ, nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: **35 dự án.**

1.4. Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới, cụm công nghiệp, khu sản xuất, chế biến nông lâm sản, thủy sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: **17 dự án.**

1.5. Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; dự án khác có liên quan đến đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ: **01 dự án.**

2. Số dự án chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép: 04 dự án; Diện tích dự kiến chuyển mục đích **35,80** ha, gồm các loại đất:

- Diện tích đất trồng lúa dự kiến: **2,20** ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ dự kiến: **4,5** ha;
- Diện tích các loại đất khác còn lại dự kiến: **29,10** ha.

(Có biểu tổng hợp toàn tỉnh và chi tiết đến các huyện, thành phố kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- UBND tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Trong trường hợp cần thiết điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh có văn bản trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này đã được kỳ họp thứ 15, HĐND tỉnh Lào Cai khóa XIV thông qua ngày 10/12/2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016
TỈNH LÀO CAI**

(Kèm theo Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Địa điểm thực hiện	Tổng số công trình, dự án	Tổng diện tích	Sử dụng từ các loại đất				Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	60	31,38	6,49	1,11		23,78	
1	Thành phố Lào Cai							
2	Huyện Văn Bàn							
3	Huyện Bảo Thắng	7	2,82	0,10	0,11		2,61	
4	Huyện Bảo Yên	4	2,40				2,40	
5	Huyện Si Ma Cai	13	1,36	0,65			0,71	
6	Huyện Bắc Hà	15	4,38	0,59			3,79	
7	Huyện Mường Khương	10	10,05	5,15			4,90	
8	Huyện Bát Xát	10	10,34		1,00		9,34	
9	Huyện Sa Pa	1	0,03				0,03	
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	145	305,12	47,74	21,22		236,16	
1	Thành phố Lào Cai	2	6,10	1,57			4,53	
2	Huyện Văn Bàn	13	29,58	6,34	6,90		16,34	
3	Huyện Bảo Thắng	20	32,92	5,07	9,02		18,83	
4	Huyện Bảo Yên	10	3,52				3,52	
5	Huyện Si Ma Cai	33	65,92	17,88			48,04	
6	Huyện Bắc Hà	31	68,36	3,39	1,35		63,62	

7	Huyện Mường Khương	4	7,70	3,50			4,20	
8	Huyện Bát Xát	22	59,65	5,99	3,95		49,71	
9	Huyện Sa Pa	10	31,37	4,00			27,37	
III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	35	45,96	7,98	3,19		34,79	
1	Thành phố Lào Cai	1	13,00	2,60			10,40	
2	Huyện Văn Bàn							
3	Huyện Bảo Thắng	18	15,80	4,47	1,35		9,98	
4	Huyện Bảo Yên	4	1,77	0,11			1,66	
5	Huyện Si Ma Cai	3	2,80	0,80			2,00	
6	Huyện Bắc Hà	6	6,79		0,04		6,75	
7	Huyện Mường Khương							
8	Huyện Bát Xát	3	5,80		1,80		4,00	
9	Huyện Sa Pa							
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	17	1.027,45	5,81			1.021,64	
1	Thành phố Lào Cai	3	924,20	3,00			921,20	
2	Huyện Văn Bàn							
3	Huyện Bảo Thắng	7	44,27	0,51			43,76	
4	Huyện Bảo Yên	2	2,86				2,86	
5	Huyện Si Ma Cai							
6	Huyện Bắc Hà							
7	Huyện Mường Khương	3	5,87	2,30			3,57	

8	Huyện Bát Xát	1	48,75				48,75	
9	Huyện Sa Pa	1	1,50				1,50	
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật DD)	1	19,80		19,80			
1	Thành phố Lào Cai							
2	Huyện Văn Bàn	1	19,80		19,80			
3	Huyện Bảo Thắng							
4	Huyện Bảo Yên							
5	Huyện Si Ma Cai							
6	Huyện Bắc Hà							
7	Huyện Mường Khương							
8	Huyện Bát Xát							
9	Huyện Sa Pa							
VI	Danh mục công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép	4	35,80	2,20	4,50		29,10	
1	Thành phố Lào Cai							
2	Huyện Văn Bàn							
3	Huyện Bảo Thắng	2	7,00	0,70	4,50		1,80	
4	Huyện Bảo Yên							
5	Huyện Si Ma Cai							
6	Huyện Bắc Hà							
7	Huyện Mường Khương							
8	Huyện Bát Xát							
9	Huyện Sa Pa	2	28,80	1,50			27,30	
Tổng cộng		262	1.465,51	70,22	49,82		1.345,47	

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
NĂM 2016 THÀNH PHỐ LÀO CAI**

(Kèm theo Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)									
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			6,10	1,57			4,53		
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Giang Đông (giai đoạn 2), thành phố Lào Cai	Xã Vạn Hòa	Sở GTVT Lào Cai	5,43	1,57			3,86	Vốn NSTW (70%) + Vốn NS địa phương (30%)	Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư số 2538/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
2	Xây dựng đường và cầu kết nối tiểu khu đô thị số 19 với Đại lộ Trần Hưng Đạo	Phường Bắc Lệnh	Sở GTVT Lào Cai	0,67				0,67	Vốn Sự nghiệp giao thông	QĐ số 2855/QĐ-UBND ngày 1/9/2015 của UBND tỉnh Lào Cai; QĐ phê duyệt số 3581/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Lào Cai

III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			13,00	2,60			10,40		
1	Khu dân cư TĐC suối Ngòi Đường (Tổ 9, 10, 11, 19)	Phường Bình Minh		13,00	2,60			10,40	Vốn vay quỹ đầu tư	QĐ 3529/QĐ-UBND ngày 04/12/2013
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			924,20	3,00			921,20		
1	Cải tạo rừng phòng hộ bảo vệ môi trường khu đô thị mới Lào Cai – Cam Đường	Phường Bình Minh	UBND thành phố Lào Cai	73,00	3,00			70,00	NS tỉnh	Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 26/6/2014
2	Chuyển đổi rừng phòng hộ, rừng sản xuất sang rừng phòng hộ cảnh quan bảo vệ môi trường vùng đệm Kim Thành	Phường Kim Tân, Duyên Hải, Đồng Tuyển	UBND thành phố Lào Cai	191,70				191,70	NS tỉnh	
3	Dự án Phát triển nông lâm nghiệp tại xã Vạn Hòa	Vạn Hòa	Cty Hoàng Liên Thanh	659,50				659,50	Vốn doanh nghiệp	QĐ 444/QĐ-UBND ngày 28/2/2011 của UBND tỉnh LC ; VB 2863/UBND-NLN ngày 06/7/2015 tỉnh Lào Cai

V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật DD)									
Tổng cộng		06 Dự án		943,30	7,17			936,13		

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
NĂM 2016 HUYỆN VĂN BẢN**

(Kèm theo Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)									
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			29,58	6,34	6,90		16,34		
1	Bổ sung dự án Thủy điện Nậm Xây Luông	Nậm Xây	CTCP TĐ Nậm Xây	0,36	0,36				Vốn Công ty + vốn vay	Văn bản số 1727/UBND-CT ngày 27/4/2015
2	Đường dây 110KV thuộc dự án Thủy điện Suối Chăn 2	Sơn Thủy	CT CPĐT NL VIDIFI	0,20		0,15		0,05	Vốn Công ty	Văn bản số 3039/UBND-CT ngày 15/7/2015
3	Dự án Thủy điện Nậm Xây Luông 4,5	Nậm Xây	CT CP TĐ Nậm Xây	17,89	2,47	1,33		14,09	Vốn Công ty	Văn bản số 2938/UBND-CT ngày 10/7/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
4	Hệ thống công trình thủy lợi huyện Văn Bản	Xã Võ Lao, Nậm Mả	Sở NN&PTNT	5,42		5,42			Vốn vay NH phát triển Châu á (ADB)	Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 03/12/2012 của UBND tỉnh Lào Cai

5	Đập thủy lợi kết hợp cấp nước sinh hoạt phù giao thôn Mạ 1 thị trấn Khánh Yên, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	TT Khánh Yên, Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	3,00	1,00			2,00	NS+VK	QĐ số 3165/ QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
6	Đường tuyến 21 - Tuyến 28 thị trấn Khánh Yên, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	TT Khánh Yên, Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	0,35	0,35				NS+VK	QĐ số 3166 QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
7	Cầu tràn liên hợp Nà Quan xã Khánh Yên Trung, huyện Văn Bàn	Khánh Yên Trung	UBND huyện Văn Bàn	0,15	0,15				NS+VK	QĐ số 3164/ QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
8	Cầu tràn liên hợp Mạ 1 xã Khánh yên Hạ, huyện Văn Bàn	Khánh Yên Hạ	UBND huyện Văn Bàn	0,15	0,15				NS+VK	QĐ số 3164/ QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
9	Cầu tràn liên hợp Nậm Xung xã Khánh Yên Hạ, huyện Văn Bàn	Khánh Yên Hạ	UBND huyện Văn Bàn	0,15	0,15				NS+VK	QĐ số 3164/ QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
10	CNSH và Thủy lợi xã Khánh Yên Trung, huyện Văn Bàn	Khánh Yên Trung	UBND huyện Văn Bàn	0,51	0,51				NS+VK	QĐ số 3164/ QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
11	CNSH thôn Noong Khuẩn xã Khánh Yên Trung, huyện Văn Bàn	Khánh Yên Trung	UBND huyện Văn Bàn	0,44	0,44				NS+VK	QĐ số 3164/ QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
12	CNSH thôn Noong chai xã Khánh Yên Trung, huyện Văn Bàn	Khánh Yên Trung	UBND huyện Văn Bàn	0,75	0,75				NS+VK	QĐ số 3164/ QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh Lào

13	Nâng cấp đường từ QL 279 đi Ít Lộc	Làng Giàng	Ban QLDA WB huyện Văn Bàn	0,21	0,01			0,20	Vốn vay NH thể giới (WB)	QĐ số 3730/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)									
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)									
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			19,80		19,80				
1	Khai thác mỏ vàng Mả Sa Phìn và Tsu Ha, xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn	Xã Nậm Xây	Công ty CP Nhấn	19,80		19,80			Vốn Công ty	- Giấy chứng nhận đầu tư số 12 121 000 293 ngày 18/8/2014 - Giấy phép khai thác khoáng sản số 368/GP-UBND ngày 22/02/2012
Tổng cộng		14 Dự án		49,38	6,34	26,70		16,34		

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
NĂM 2016 HUYỆN BẢO THẮNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, dự án di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp cấp địa phương (điểm a, khoản 3, điều 62 Luật đất đai)			2,82	0,10	0,11		2,61		
1	Mở rộng các trường học, xây nhà công vụ và các công trình phụ trợ (1): MN Hòa Mi; Thái Niên (500m2); (2) Hoa Ban, Gia Phú (2000m2); (3) TH Bản Cầm (300m2); (4): Số 1 Xuân Giao (1000m2); (5): Số 1 Tầng Loòng (1000m2); (6): Số 4 Gia Phú (100m2).(7): THCS: Phong Hải (1058m2); (8): Phong Niên (1040m2).	Thái Niên; Bản Cầm; Xuân Giao; TT Tầng Loòng, Gia Phú; TT Phong Hải, Phong Niên		0,60	0,1	0,11		0,39	Vốn sự nghiệp giáo dục	QĐ 2414; 13/9/2013 của UBND huyện
2	Mở rộng trường mầm non Năng Mai - Làng Bạc	Xã Xuân Quang		0,10				0,1	Vốn sự nghiệp giáo dục	QĐ 2414; 13/9/2013 của UBND huyện
3	Xây dựng trường MN Sơn Ca	TT Tầng Loòng Xuân Giao		0,85				0,85	Vốn Bộ GD và ĐT	Công văn số 2174/BGDT-GDMN, 3/6/2015
4	Xây dựng trụ sở viện kiểm sát	TT Phố Lu		0,50				0,5	Vốn VKS	CV số 2884. 27/7/2015, của Viện KS Tối cao
5	Mở rộng trụ sở Đảng ủy- HĐND-UBND TT Phong Hải	TT Phong Hải		0,20				0,2	Sự nghiệp kiến thiết thị chính - NS tỉnh	QĐ 3182, ngày 18/9/2015. UBND tỉnh
6	Hội trường kết hợp nhà văn hóa	Xã Bản Phiệt		0,50				0,5	Sự nghiệp kiến thiết thị chính - NS tỉnh	QĐ 3182, ngày 18/9/2015. UBND tỉnh

7	Xây dựng trạm Quản lý, vận hành và thu tiền điện TT Phong Hải	TT Phong Hải		0,07				0,07	Vốn ngành điện	Số 2302/UBND-TNMT, ngày 12/10/2015, UBND huyện
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương, bao gồm: giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị, gom xử lý chất thải (điểm b, khoản 3, điều 62 Luật đất đai)			32,92	5,07	9,02		18,83		
1	Dự án, công trình điện do sở công thương làm chủ đầu tư (Đội 5, Xuân Giao); (7 trạm các thôn Tri Thượng 2, Thôn Trung, Thôn Mạ, Bá Hộ+ Tân Thượng; thôn Nhỏ Trong; Thôn Ến, Tiến Lập xã Phong Niên); (2 trạm của Xuân Giao)	Xã Bản Cầm, Thái Niên, Phong Niên, Xuân Giao		0,21	0,02	0,04		0,15	Vốn Sở công thương Lào Cai	Công văn số 1694/SCT-KH, ngày 15/10/2015
2	Cấp điện các thôn Khe Hoi, xã Phú Nhuận (trạm biến áp + 7.3km đường dây 0,4)	Xã Phú Nhuận		0,70	0,10	0,30		0,3	Vốn sự nghiệp kiến thiết thị chính	QĐ 797/QĐ-UBND ngày 12/3/2015, UBND huyện Bảo Thắng
3	Cấp điện sinh hoạt thôn Nậm Trà - Nậm Phẳng - Bản Cam, xã Gia Phú	Xã Gia Phú		1,00		0,80		0,2	Vốn sự nghiệp kiến thiết thị chính	QĐ 2895/QĐ-UBND ngày 8/9/2015, UBND tỉnh
4	Cấp điện sinh hoạt thôn Tân Lập - Cốc Mẩn, xã Xuân Quang	Xã Xuân Quang		0,80	0,20	0,40		0,2	Vốn sự nghiệp kiến thiết thị chính	QĐ 3221/QĐ-UBND ngày 22/9/2015, UBND tỉnh
5	Cấp điện sinh hoạt thôn Phìn Giàng, Làng Có 1	Phong Niên		0,50		0,40		0,1	Vốn sự nghiệp kiến thiết thị chính	QĐ 3181/QĐ-UBND ngày 18/9/2015, UBND tỉnh
6	Công cải tạo, chống quá tải lưới điện khu vực thị trấn Phố Lu (4 trạm biến áp, 17 móng cột đường dây 22KV-35KV, 130 móng cột 0,4KV)	Tổ dân phố Phú Thành 1; 3. tổ dân phố 1,2,3 Phú Cường 2. Phú Thịnh 1, TT Phố Lu.		0,08				0,08	Vốn ngành điện	Công văn số 3089/EVN NPC-P2, 04/08/2015, Tổng công ty điện lực Miền bắc; CV số 5352/PCLK-QLXD. 7/8/2015, công ty điện lực Lào Cai

7	Đường liên huyện TT Phong Hải, huyện Bản Thắng - Bản Sen, huyện Mường Khương	TT Phong Hải		3,90	0,70	2,50		0,7	Vốn vay tín dụng ưu đãi	QĐ 3214/QĐ-UBND ngày 30/10/2014, UBND tỉnh
8	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT: Đường từ UBND xã Thái Niên và QL4E xã Trì Quang (huyện Bảo Thắng) đi QL70, xã Điện Quang, huyện Bảo Yên.	Xã Thái Niên + Trì Quang		1,00	0,10	0,50		0,4		Nghị quyết 37
9	Mở rộng 8 tuyến đường trục xã, đáp ứng tiêu chí nông thôn mới + Cầu khe Múc + Cầu Khe Đèn 2	Xã Thái Niên		10,25	0,54	2,41		7,3	Vốn hỗ trợ NT mới	QĐ 6007; 23/10/2015 của UBND huyện (cầu Khe múc) QĐ 6047; 28/10/2015 UBND huyện
10	Mở rộng 4 tuyến đường trục thôn, đáp ứng tiêu chí nông thôn mới	Xã Trì Quang		1,38	0,01	0,27		1,1	Vốn sự nghiệp giao thông	QĐ 4336; 7/8/2015 của UBND huyện
11	Cầu khe Măng Mai tổ Phú Long I	TT Phố Lu		0,50		0,20		0,30	Vốn sự nghiệp giao thông	QĐ 2960, 18/5/2015 của UBND huyện
12	Cầu bản suối Con Chăn, xã Sơn Hà	Xã Sơn Hà		0,20	0,10			0,10	Vốn sự nghiệp giao thông	QĐ 4315; 31/12/2014 của UBND huyện
13	Cầu Bản thôn Làng Chung	Sơn Hải		0,20	0,10			0,10	Vốn sự nghiệp giao thông	QĐ 4315; 31/12/2014 của UBND huyện
14	Cầu Bản tổ dân phố 4	TT Phong Hải		0,20		0,10		0,10	Vốn sự nghiệp giao thông	QĐ 2977; 8/9/2015 của UBND huyện
15	Cầu bản thôn Quy Ke	TT Phong Hải		0,30	0,10	0,10		0,10	Vốn sự nghiệp giao thông	QĐ 2977; 8/9/2015 của UBND huyện
16	Kè bảo vệ ngầm tràn và cánh đồng thôn Mường Bát	Gia Phú		0,70	0,70				Nguồn vốn sự nghiệp NLN, miễn phí thủy lợi + Vốn vay tín dụng	QĐ 973/QĐUB ngày 19/3/2015 của UBND tỉnh

17	Hệ thống tưới tiêu cánh đồng thôn Mường, Tiến Lợi 1, Cù, Phèo	Xã Xuân Giao		1,00	0,70			0,3	Nguồn vốn sự nghiệp NLN, miễn phí thủy lợi	QĐ 4168; 29/12/2014 của UBND huyện
18	Kè bờ hữu Sông Hồng bảo vệ cơ sở hạ tầng và khu dân cư xã Sơn Hà	Xã Sơn Hà		8,00		1,00		7,00	Chương trình ứng phó biến đổi khí hậu + vốn khác	QĐ 3155; 17/9/2015 của UBND tỉnh
19	Kè suối Nhuận	Xã Phú Nhuận		1,00	1,00				Nguồn vốn sự nghiệp NLN, miễn phí thủy lợi	Công văn số 2568/UBND, ngày 19/3/2015
20	Kè tiêu úng thôn Giao Bình + Kè bảo vệ khu dân cư và cánh đồng bãi san	Xã Xuân Giao		1,00	0,70			0,30	Nguồn vốn sự nghiệp NLN, miễn phí thủy lợi	QĐ 3955; 12/12/2014 của UBND tỉnh
III	Dự án xây dựng phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, xây dựng cơ sở tôn giáo, khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng, chợ, nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (điểm c, khoản 3, điều 62 Luật đất đai)			15,80	4,47	1,35		9,98		
1	Khu Tái định cư (Tầng Loòng 2)	TT Tầng Loòng		4,00	4,00				Vốn thiên tai, nguy hiểm	
2	Làm mới nhà văn hóa 3 thôn Quang Lập, Trì Thượng 2, Thôn Tân Lập	Xã Trì Quang		0,17				0,17	Vốn NS tỉnh	
3	Mở rộng nhà văn hóa 3 thôn Làng Trung, Làng Mạ, Làng Đào 2	Xã Trì Quang		0,06				0,06	Vốn NS tỉnh	
4	Mở rộng Nhà văn hóa các thôn	Xã Phong Niên		0,56				0,56	Vốn NS tỉnh	
5	Nhà văn hóa thôn Trà Trầu	Xã Sơn Hà		0,05				0,05	Vốn NS tỉnh	
6	Mở mới sân TDTT	Xã Phú Nhuận		1,00				1,0	Thưởng nông thôn mới	

7	Sân thể thao xã	Xã Trì Quang	0,30				0,30	Vốn NS tỉnh	
8	Quy hoạch khu vui chơi thể thao	TT Phong Hải	1,00				1,00	Vốn NS tỉnh	
9	Sân thể thao xã	Xã Xuân Giao	1,00				1,00	NS tỉnh (NTM)	QĐ 1287, 12/5/2015 của UBND tỉnh
10	Xây dựng chợ Tầng Loỏng	TT Tầng Loỏng	0,81				0,81	Sự nghiệp kiến thiết thị chính - NS tỉnh	QĐ 3955, 12/12/2014 UBND huyện
11	Mở rộng nghĩa địa Làng Mạ, Làng Trung	Xã Trì Quang	1,30	0,45	0,85			Vốn xã hội hóa	
12	Mở rộng nghĩa địa km 34	Xã Phong Niên	0,50		0,50			Vốn xã hội hóa	
13	Tôn tạo mở rộng đền Đồng Ân	Xã Thái Niên	0,40				0,4	Xã hội hóa	
14	Mở rộng chùa Liên Hoa, thôn Xá Hồ	Xã Phong Niên	2,10				2,1	Vốn xã hội hóa	
15	QH họ nhà thờ đạo Phong Niên	Xã Phong Niên	0,80				0,8	Vốn xã hội hóa	
16	QH nhà thờ họ đạo	TT Phố Lu	0,93				0,93	Vốn xã hội hóa	
17	QH nhà thờ giáo họ Tầng Loỏng (Tiểu Khu 3, Khu Tái định cư Hợp Xuân)	Xã Xuân Giao	0,42	0,02			0,4	Vốn xã hội hóa	QĐ 3162/ QĐ-UBND 21/11/2011 về điều chỉnh QH tiểu khu số 3, khu TĐC Hợp Xuân. CV số 99/TNMT-QLĐ
18	QH chùa Thiên Trúc	TT Phố Lu	0,40				0,4	Vốn xã hội hóa	Số 1365/ UBND-VX, 25/10/2007 về Công nhận cơ sở đạo phật và thành lập họ đạo công giáo
IV	Dự án xây dựng khu đô thị mới, dân cư nông thôn mới, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn, cụm công nghiệp, khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung, dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (điểm e, khoản 3, điều 62 Luật đất đai)		44,27	0,51			43,76		

1	Quy hoạch đất ở Làng Đèn	Xã Phú Nhuận		0,40	0,30			0,1	Thu sử dụng đất	
2	Khu dân cư mới Mom Đào I	Xã Thái Niên		1,24				1,24	Thu sử dụng đất	
3	Quy hoạch đất ở (Từ giáp ranh xã Gia Phú -QH Thị tứ Xuân Giao)	Xã Xuân Giao		1,23	0,03			1,20	Thu sử dụng đất	
4	Quy hoạch đất ở hai bên tỉnh lộ 152	Xã Xuân Giao		1,00	0,18			0,82	Thu sử dụng đất	
5	Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng. khu vực phố Lu. Huyện Bảo Thắng	TT Phố Lu		27,50				27,50	Ngân sách thu từ sử dụng đất+ vốn vay + Khác	QĐ số 1320/QĐ-UBND. 13/6/2014, của UBND tỉnh
6	Đường nối Quốc Lộ 70 -Quốc Lộ 4E, nhánh 2 xã Xuân Quang	Xã Xuân Quang		2,90				2,90	Ngân sách thu từ sử dụng đất	QĐ số 204/QĐ-UBND. 23/1/2013, của UBND tỉnh
7	Xây dựng TT nghiên cứu ứng dụng KHCN vùng thấp (sở KHCN)	Xã Gia Phú		10,00				10,00	Vốn đầu tư phát triển	
V	Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản(điểm d, khoản 3, điều 62 Luật đất đai)									
VI	Danh mục công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép									
				7,00	0,70	4,50		1,80		
1	Thu hồi đất rừng, mở rộng mỏ đá Phúc Khánh (thôn Sảng Pả (Toảng Già)	TT Phong Hải		4,50		4,50			Vốn doanh nghiệp	Số 3548/GP UBND tỉnh 15/10/2015 về giấy phép gia hạn khai thác khoáng sản. QĐ số 3322/QĐUBND 1/10/2015
2	Xây dựng nhà máy tinh dầu quế	Xã Xuân Quang		2,50	0,7			1,8	Vốn doanh nghiệp	Giấy chứng nhận đầu tư số 121210000. 24/7/2012 Sở KH và ĐT
Tổng cộng		54 dự án		102,81	10,85	14,98		76,98		

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYÊN MỤC ĐÍCH
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016 HUYỆN BẢO YÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			2,40				2,40		
1	Trường Mẫu giáo Cam Cọn	Bản Tân Tiến, Xã Cam Cọn	UBND huyện	0,40				0,40	Sự nghiệp giáo dục	QĐ số 3956/QĐ-UB ngày 12/12/2019
2	Trường tiểu học số 2 Cam Cọn	Bản Hồng Cam, xã Cam Cọn	UBND huyện	0,30				0,30	Sự nghiệp giáo dục	QĐ số 3956/QĐ-UB ngày 12/12/2014
3	Mở rộng trụ sở UBND thị trấn Phố Ràng	Thị trấn Phố Ràng	UBND huyện	0,90				0,90	NS địa phương	
4	Trường THCS xã Yên Sơn	Xã Yên Sơn	Sở giáo dục	0,80				0,80	Sự nghiệp giáo dục	
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			3,52				3,52		
1	Công trình cấp điện bản 3- bản 9 xã Long Khánh	Xã Long Khánh	UBND huyện	0,50				0,50	Vốn sự nghiệp kiến thiết thị chính	QĐ số 3181/QĐUBND ngày 18/9/2015
2	Công trình san tạo mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến đường M7 thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên	Thị trấn Phố Ràng,	UBND huyện	1,50				1,50	NS địa phương	QĐ số 3955/QĐ - UB ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai

3	Dự án cấp điện nông thôn xã Minh Tân (bản Mai1, Mai2, Cốc Ly, Bon 1, Bản Mông, Mai4, Mai5)	Xã Minh Tân	Sở CT	0,12				0,12	Vốn Sở công thương Lào Cai	Công văn số 1649/SCT-KH), ngày 15 tháng 10 năm 2015
4	Dự án cấp điện nông thôn xã Xuân Thượng (bản 1 Là, 4 Là, 5 Là, 3 Là, 2a Là, 2b Là, bản 1 Thâu, 2 Thâu, 6 Thâu)	Xã Xuân Thượng	Sở CT	0,16				0,16	Vốn Sở công thương Lào Cai	Công văn số 1649/SCT-KH), ngày 15 tháng 10 năm 2015
5	Dự án cấp điện nông thôn xã Lương Sơn (Khe Pịa)	Xã Lương Sơn	Sở CT	0,01				0,01	Vốn Sở công thương Lào Cai	Công văn số 1649/SCT-KH), ngày 15 tháng 10 năm 2016
6	Dự án cấp điện nông thôn xã Yên Sơn (bản Bon 4, bản Bon 5, bản Bon 5)	Xã Yên Sơn	Sở CT	0,02				0,02	Vốn Sở công thương Lào Cai	Công văn số 1649/SCT-KH), ngày 15 tháng 10 năm 2017
7	Dự án cấp điện nông thôn xã Nghĩa Đô	Xã Nghĩa Đô	Sở CT	0,04				0,04	Vốn Sở công thương Lào Cai	Công văn số 1649/SCT-KH), ngày 15 tháng 10 năm 2016
8	Dự án cấp điện Xã Việt Tiến (bản Việt Hải, Bản Già Ha)	Xã Việt Tiến	UBND huyện	0,10				0,10	Vốn sự nghiệp kiến thiết thị chính	
9	Kè bảo vệ dân cư trung tâm xã Bảo Hà	Xã Bảo Hà	UBND huyện	0,16				0,16	NS địa phương	QĐ số 992 ngày 14/4/2014 của UBND huyện Bảo Yên
10	Mở mới đường Pác Mạc - Khuổi Vèng	Xã Vĩnh Yên	UBND huyện	0,91				0,91		
III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			1,77	0,11			1,66		
1	Các hạng mục phụ trợ - dự án phục hồi tôn tạo di tích đền Phúc Khánh và xây dựng TT văn hoá thị trấn Phô Ràng, huyện Bảo Yên	Thị trấn Phô Ràng,		1,00				1,00	NS địa phương	QĐ số 3955/QĐ-UB ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
2	Lò giết mổ	Thị trấn Phô Ràng,		0,20				0,20	Vốn DN	

3	Nhà thờ đạo	Thị trấn Phố Ràng,		0,30			0,30	Vốn Xã hội hoá	
4	Chợ xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên	Xã Vĩnh Yên		0,27	0,11		0,16	NS địa phương	
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			2,86			2,86		
1	San tạo mặt bằng tái định cư dọc tuyến đường T3, T4 xã Bảo Hà	Xã Bảo Hà		2,00			2,00	Vốn vay quỹ PTĐ	
2	San tạo mặt bằng tạo quỹ đất đầu giá xã Việt Tiến	Xã Việt Tiến		0,86			0,86	Vốn vay quỹ PTĐ	
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)								
Tổng cộng		20 Dự án		10,55	0,11		10,44		

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016 HUYỆN SI MA CAI**

(Kèm theo Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			1,36	0,65			0,71		
1	Trường mầm non Lùng Sui	Lùng Sui		0,03				0,03	Vốn Chương trình 135	QĐ 2702/QĐ-UBND ngày 11/10/2013 của UBND tỉnh Lào Cai
2	Trường mầm non số 2 Sán Chải	Sán Chải		0,63	0,63				Vốn Chương trình 135	QĐ 2702/QĐ-UBND ngày 11/10/2013 của UBND tỉnh Lào Cai
3	Trường Tiểu học số 2 Sán Chải	Sán Chải		0,02	0,02				Vốn Chương trình 135	QĐ 2702/QĐ-UBND ngày 11/10/2013 của UBND tỉnh Lào Cai
4	Trường mầm non số 1 Sín Chéng	Sín Chéng		0,01				0,01	Vốn Chương trình 135	QĐ 2702/QĐ-UBND ngày 11/10/2013 của UBND tỉnh Lào Cai
5	Trường Tiểu học số 2 Si Ma Cai	Si Ma Cai		0,05				0,05	Vốn Chương trình 135	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch - ĐT
6	Trường Tiểu học xã Quan Thần Sán	Quan Thần Sán		0,07				0,07	Vốn Chương trình 135	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch - ĐT
7	Trường PTDTBT THCS xã Lùng Sui, huyện Si Ma Cai	Si Ma Cai		0,03				0,03	Vốn Nghị quyết 30a	QĐ 2702/QĐ-UBND ngày 11/10/2013 của UBND tỉnh Lào Cai

8	Trường Mầm Non thôn Cốc Phà xã Cán Cầu, huyện Si Ma Cai	Cán Cầu		0,01				0,01	Vốn Nghị quyết 30a	QĐ 2702/QĐ-UBND ngày 11/10/2013 của UBND tỉnh Lào Cai
9	Trường TH Lùng Sui - PH Nà Chí Trù, huyện Si Ma Cai	Lùng Sui		0,04				0,04	Vốn Nghị quyết 30a	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
10	Trường MN Cán Cầu - Trường chính	Cán Cầu		0,05				0,05	Vốn Nghị quyết 30a	QĐ 2702/QĐ-UBND ngày 11/10/2013 của UBND tỉnh Lào Cai
11	Trường Mầm Non xã Nàn Sín - PH Phìn Chư 3, huyện Si Ma Cai	Nàn Sín		0,03				0,03	Vốn Nghị quyết 30a	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
12	Nhà làm việc phòng LĐT&XH, Dân tộc, Thanh tra, Tư pháp	Si Ma Cai		0,20				0,20	Vốn ngân sách tập trung	QĐ số 2114/QĐ - UBND ngày 24/8/2011
13	Nhà làm việc BQLDA rừng phòng hộ	Si Ma Cai		0,20				0,20	Vốn ngân sách tập trung	QĐ số 389/QĐ - UBND ngày 23/2/2009
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			65,92	17,88			48,04		
1	Đường Ngải Phóng Chồ -Sín Chải	Xã Cán Hồ		4,50	0,50			4,00	Vốn Chương trình 135	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
2	Đường nội thôn Sảng Chải - Sảng Năng Càng 2	Xã Lữ Thẩn		4,50	2,00			2,50	Vốn Chương trình 135	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
3	Đường Ta Pa Chải - Lầu Chí Trù, xã Lùng Sui (BTXM L= 2,5km)	Lùng Sui		4,00	2,00			2,00	Vốn Chương trình 135	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT

4	Nâng cấp nước SH thôn Cán Cầu - Cốc Phà	Xã Cán Cầu		0,05				0,05	Vốn Chương trình 135	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
5	Đường Say Sáng Phìn - Đào Dền Chải (Mở mới, rải cấp phối L=2,5km)	Mãn Thán		4,00	1,00			3,00	Vốn Chương trình 135	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
6	Đường Cốc Cù - Cốc Rế	Xã Bản Mế		3,00	1,00			2,00	Vốn Chương trình 135	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
7	Đường Bản Mế - Trung tâm thôn	Xã Bản Mế		2,50	1,00			1,50	Vốn Chương trình 135	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
8	Thủy lợi Sảng Chải 5	Nàn Sán		0,50	0,50				Vốn Chương trình 135	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
9	Cấp nước sinh hoạt thôn Chính Chư Phìn xã Nàn Sín	Xã Nàn Sín		0,05	0,01			0,04	Vốn Chương trình 135	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
10	Cấp điện thôn Sán Chá - Cốc Dế, xã Thảo Chư Phìn (Lồng ghép Ct 135+NQ30a+Vốn khác)	Xã Thảo Chư Phìn		0,04				0,04	Vốn Chương trình 135	QĐ1310/QĐ-UBND ngày 20/8/2010 của UBND tỉnh Lào Cai
11	Đường liên thôn Seng Sui - Lùng Cải xã Lùng Sui, huyện Si Ma Cai (hỗ trợ theo cơ chế GTNT)	H.Si Ma Cai		4,00	2,00			2,00	Vốn Nghị quyết 30a	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
12	Đường liên thôn Seng Sui - Lao Dìn Phàng, xã Lùng Sui, huyện Si Ma Cai (hỗ trợ theo cơ chế GTNT)	H.Si Ma Cai		4,50	2,00			2,50	Vốn Nghị quyết 30a	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
13	Đường liên thôn Nàn Sín - Phìn Chư I xã Nàn Sín, huyện Si Ma Cai (hỗ trợ theo cơ chế GTNT)	H.Si Ma Cai		3,00	1,50			1,50	Vốn Nghị quyết 30a	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT

14	Thủy lợi Sảng Chải 3-4 xã Nàn Sán, huyện Si Ma Cai	H.Si Ma Cai		0,20	0,08			0,12	Vốn Nghị quyết 30a	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch - ĐT
15	Thủy lợi thôn Cán Cấu xã Cán Cấu, huyện Si Ma Cai	H.Si Ma Cai		0,10	0,07			0,03	Vốn Nghị quyết 30a	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch - ĐT
16	Đường Bản Kha - Phìn Chư 3, xã Sín Chéng, huyện SiMaCai	H.Si Ma Cai		4,10	1,00			3,10	Vốn Nghị quyết 30a	QĐ SỐ 1314/QĐ-UBND ngày 20/5/2010 của UBND tỉnh Lào Cai
17	Thủy lợi Nàn Sín, xã Nàn Sín, huyện Si Ma Cai	H.Si Ma Cai		0,20	0,09			0,11	Vốn Nghị quyết 37	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch - ĐT
18	Thủy lợi Rừng Cẩm - Tả Thàng, xã Sín Chéng, huyện Si Ma Cai	H.Si Ma Cai		0,10	0,08			0,02	Vốn Nghị quyết 38	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch - ĐT
19	Nâng cấp đường Si Ma Cai - Bến Máng	Xã Si Ma Cai +Nàn Sán		5,50	0,55			4,95	Vốn Quản lý biên giới và đất liền	QĐ số 992/QĐ-UBND ngày 26/4/2013 của UBND tỉnh Lào Cai
20	Đường GTNT theo chương trình Nông thôn mới các xã Sín Chéng, Bản Mế, lữ Thần, Quan Thần Sán, Cán Hồ, Lùng Sui, Nàn Sín	Các xã		9,00	1,50			7,50	Vốn TPCP phục vụ NTM	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch - ĐT
21	Đường Đội 2 - Cầu La Hờ xã Nàn Sán	Xã Nàn Sán		4,00	1,00			3,00	Ngân sách tỉnh	Đã có TTr số 862/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Tài chính
22	Cấp điện thôn Sẻ Lữ Thần - Sảng Nàng Càng, xã Lữ Thần	Xã Lữ Thần		0,08				0,08	Ngân sách tỉnh	Đã có TTr số 862/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Tài chính

23	Đường giao thông Lù Di Sán - Mốc 172.2 xã Sán Chải	xã Sán Chải		0,60				0,60	Ngân sách tỉnh	Đã có TTr số 862/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Tài chính
24	Đường sắp xếp dân cư Phố Thầu-Phố Mới, xã Si Ma Cai	Xã Si Ma Cai		1,00				1,00	Ngân sách tỉnh	Đã có TTr số 862/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Tài chính
25	Khu thu gom và xử lý chất thải, nước thải xã Mán Thẩn	Xã Mán Thẩn		1,00				1,00	Vốn TPCP thực hiện NTM	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
26	Khu thu gom rác thải các thôn	Xã Lữ Thẩn		0,50				0,50	Vốn TPCP thực hiện NTM	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
27	Bãi rác xã	Xã Quan Thẩn Sán		1,00				1,00	Vốn TPCP thực hiện NTM	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
28	Xử lý rác thải thôn bản	Xã Lũng Sui		0,50				0,50	Vốn TPCP thực hiện NTM	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
29	Khu xử lý rác thải xã	Xã Cán Cầu		1,00				1,00	Vốn TPCP thực hiện NTM	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
30	Khu xử lý rác thải xã	Xã Nàn Sán		1,00				1,00	Vốn TPCP thực hiện NTM	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
31	Khu thu gom rác thải các thôn	Xã Thào Chư Phìn		0,50				0,50	Vốn TPCP thực hiện NTM	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
32	Khu thu gom rác thải các thôn	Xã Nàn Sín		0,50				0,50	Vốn TPCP thực hiện NTM	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT

33	Nâng cấp nước SH thôn Cán Cầu - Cốc Phà	Xã Cán Cầu		0,40				0,40	Vốn chương trình 135	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			2,80	0,80			2,00		
1	Hỗ trợ xây dựng trung tâm văn hóa thể thao các xã (02 xã)	Huyện Si Ma Cai		1,20	0,30			0,90	NS tỉnh	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
2	Chợ trung tâm cụm xã Cán Cầu (Lồng ghép vốn NQ30a + Vốn khác)	Xã Cán Cầu		1,00	0,50			0,50	Ngân sách tập trung	QĐ số 1812/QĐ - UBND ngày 19/6/2009
3	Nhà văn hóa kết hợp hội trường xã Nàn Sín	Xã Nàn Sín		0,60				0,60	NS tỉnh	Đã có TTr số 863/TTr-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện Si Ma Cai gửi Sở Kế hoạch -ĐT
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)									
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)									
Tổng cộng		49 Dự án		70,08	19,33			50,75		

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016 HUYỆN BẮC HÀ**

(Kèm theo Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			4,38	0,59			3,79		
1	Hội trường kết hợp nhà văn hóa xã Cốc Ly, xã Hoàng Thu Phố, huyện Bắc Hà	Xã Cốc Ly; Xã Hoàng Thu Phố	Ban QLDA - XDCB	0,42	0,16			0,26	NS tỉnh	QĐ số 575/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2015 của UBND huyện Bắc Hà
2	Trường Mẫu giáo Thái Giàng Phố	xã Thái Giàng Phố	UBND huyện	0,10	0,10				Vốn DN (Tổng Cty Thép ứng hộ)	Biên bản ghi nhớ Giữa Tổng Công ty thép Việt Nam với UBND huyện Bắc Hà ngày 15/11/2014
3	UBND thị trấn Bắc Hà (xây dựng Đồn công an thị trấn)	Tổ dân phố Năm Cáy 1, TT Bắc Hà	UBND Huyện	0,18				0,18	Vốn Đối ứng + ngân sách tỉnh	
4	Ngoại thất trạm y tế xã Tà Chải, huyện Bắc Hà	Thôn Nậm Châu	Ban QLDA-XDCB	0,12				0,12		Theo quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 23/9/2015
5	Công trình Nhà đa năng BCH quân sự huyện Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà, xã Tà Chải	Ban QLDA - XDCB	0,12				0,12	Vốn ngân sách + vốn khác	Quyết định 4315/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND huyện

6	Trường Tiểu học Na Hối 2	Di Thàng 2	UBND huyện	0,02				0,02	NTM	
7	Trường Tiểu học Cốc Ly 2, thôn Thẩm Phúc, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.	Xã Cốc Ly	Ban QLDA - XDCB	0,70				0,70	Sự nghiệp giáo dục ngân sách tỉnh	TT số 457/TTT-STC ngày 10 tháng 8 năm 2015
8	Công trình trụ sở một cửa liên thông huyện Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà	Ban QLDA - XDCB	0,12				0,12	Vốn ngân sách + vốn khác	QĐ số 992/QĐ-UBND ngày 26/04/2013 của UBND tỉnh Lào Cai
9	Trường Mẫu Giáo; nhà công vụ, công trình phụ trợ(nhà ăn, WC) các xã: - Nậm Đét - Trường Chính - Cốc Ly 2 - Hoàng Thu Phố	Nậm Đét, Cốc Ly, Hoàng Thu Phố		0,44	0,02			0,42	Nguồn vốn ctrinh 135	TTr số 237/TTr-UBND ngày 20/10/2015 của UBND huyện Bắc Hà
10	Nhà lớp học, bán trú trường THCS các xã: - Bản Phố - Hoàng Thu Phố - Cốc Lầu - Thái Giàng Phố	Bản Phố ; Hoàng Thu Phố; Cốc Lầu; Thái Giàng Phố		0,90	0,10			0,80	Nguồn vốn ctrinh 135	TTr số 237/TTr-UBND ngày 20/10/2015 của UBND huyện Bắc Hà
11	Nhà bán trú trường tiểu học các xã: - Tả Van Chư - Lũng Phình	Lũng Phình; Tả Van Chư		0,35	0,05			0,30	Vốn NQ 30a của chính phủ	TTr số 237/TTr-UBND ngày 20/10/2015 của UBND huyện Bắc Hà
12	Nhà lớp học phân hiệu các trường PTDTBT TH các xã: PH Sông Lầm, Sín Chải (Tả Cù Tỷ); Ngải Thầu, Săn Chư Ván Nậm Thố(Thái Giàng Phố); Khu Chư Tùng 1, Xà Phìn, Nậm Cậy (Bản Liền)	Tả Cù Tỷ, Thái Giàng Phố, Bản Biền		0,47	0,06			0,40	Vốn hỗ trợ của ngân hàng đầu tư phát triển việt nam (hỗ trợ 30a)	TTr số 237/TTr-UBND ngày 20/10/2015 của UBND huyện Bắc Hà
13	Nhà công vụ trường PTDTBT THCS Tả Cù Tỷ	Tả Cù Tỷ		0,15	0,05			0,11	Nguồn vốn ctrinh 135	
14	Nhà ăn HSBT trường PTDTBT TH Cốc Ly 1	Cốc Ly		0,05				0,05	Nguồn vốn ctrinh 135	
15	Nhà ăn HSBT trường PTDTBT THCS Nậm Lúc	Nậm Lúc		0,25	0,05			0,20	Nguồn vốn ctrinh 135	TTr số 237/TTr-UBND ngày 20/10/2015 của UBND huyện Bắc Hà

II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			68,36	3,39	1,35		63,62		
1	Đường Tà Chải 2 - Pá Chư Tỷ 1	xã Lùng Phình	UBND xã Lùng Phình	0,40	0,05			0,35	NTM	TTr số 237/TTr-UBND ngày 20/10/2015 của UBND huyện Bắc Hà
2	Đường Tả Thồ 2 xuống Thôn Tả Thồ 1	Thôn tá Thồ 2, Xã hoàng Thu Phố	UBND huyện	0,20	0,20				NTM	NTM
3	Đường thôn Sán Trá	Sán Trá, xã Lùng Cải	UBND xã	1,20				1,20	NTM	NTM
4	Công trình thủy lợi các thôn: -Thôn Ngải Thầu, Tả Cù Tỷ, Sả Mào Phố - Xã Tả Cù Tỷ -Na Súng 2 Nậm Xôm, Bản Già - Thủy lợi thôn Cô Tông, xã Bản Cải	-Thôn Ngải Thầu, Tả Cù Tỷ, Sả Mào Phố - Xã Tả Cù Tỷ -Nậm Xôm, Bản Già-thôn Cô Tông, xã Bản Cải	UBND huyện	0,38	0,05			0,33	NSNN	QĐ số 23a/QĐ-UBND ngày 09/01/2015 của UBND huyện Bắc Hà
5	Công trình nước sinh hoạt suối Tổng Thượng về Tổng hạ	Thôn Tổng Hạ, Nậm Đét	UBND huyện	0,05				0,05		
6	Dự án: Cấp điện nông thôn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2013 - 2020: Xã Cốc Lầu; Xã Nậm Khánh (Giàng Trù)	Xã Cốc Lầu; Xã Nậm Khánh (Giàng Trù)	Sở CT	0,09	0,01			0,08	Vốn chương trình cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo giai đoạn 2013 - 2020 + vốn khác	
7	Xây dựng trạm biến áp Thôn của các xã: -Xã Hoàng Thu Phố: Thôn Hoàng Hạ 1, Thôn Nhù San, - Xã Na Hối: Thôn Ngải Thầu, Ly Chư Phìn - Xã Tả Văn Chư: Thôn Tẩn Chư, Nhiều Cù Ván B - Bản Già:Kha Phàng 2	-Xã Hoàng Thu Phố: Thôn Hoàng Hạ 1, Thôn Nhù San, - Xã Na Hối: Thôn Ngải Thầu, Ly Chư Phìn - Xã Tả Văn Chư: Thôn Tẩn Chư, Nhiều Cù Ván B - Bản Già:Kha Phàng 2	UBND huyện	9,07				9,07	135, NTM, NSNN	

8	Dự án: Cấp điện nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào cai giai đoạn 2013-2020: Xã Nậm Mòn(Cốc Cài Hạ); Xã Bản Phố(Hầu Đào, Kháo Sáo); Xã Lầu Thí Ngài (Pờ Chồ 1, Di Thảo Ván); Xã Lũng Phình(Lũng Phình, Pả Chư Tỷ 2); Xã Tả Van Chư(MR Xà Ván); Xã Tả Cù Tỷ(MR Tả Cù Tỷ, Sảng Mào Phố)	Xã Nậm Mòn(Cốc Cài Hạ); Xã Bản Phố(Hầu Đào, Kháo Sáo); Xã Lầu Thí Ngài (Pờ Chồ 1, Di Thảo Ván); Xã Lũng Phình(Lũng Phình, Pả Chư Tỷ 2); Xã Tả Van Chư(MR Xà Ván); Xã Tả Cù Tỷ(MR Tả Cù Tỷ, Sảng Mào Phố)	Sở CT	0,17	0,01			0,16	Vốn chương trình cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo giai đoạn 2013 - 2020 + vốn khác	
9	Dự án: Cấp điện nông thôn các xã: Làng Cù, Bản Cái -Nậm Sôm, Bản Già -Thôn Làng Pàm, Xã Cốc Ly -Thôn Hoàng Hạ 2 xã Hoàng Thu Phố -Thôn Pả Chư Tỷ 1, xã Lũng Phình -Thôn Nhiều Cù Ván A, Xà Ván, Xã Tả Van Chư	- Làng Cù, Bản Cái -Nậm Sôm, Bản Già -Thôn Làng Pàm, Xã Cốc Ly -Thôn Hoàng Hạ 2 xã Hoàng Thu Phố -Thôn Pả Chư Tỷ 1, xã Lũng Phình -Thôn Nhiều Cù Ván A, Xà Ván - Xã Tả Van Chư	UBND huyện	3,79				3,79	Vốn NSNN, NTM, 135	
10	Công trình CNSH thôn thôn Túng Súng	thôn Túng Súng - xã Lũng Phình	UBND huyện	0,01		0,01			vốn 135	
11	Đường từ nhà Ma Sín Dừng đến phân hiệu trường Mầm non thôn Quán Hóa	Thôn Quán Hóa, xã Lũng Phình	UBND xã	0,40	0,05			0,35	NTM	
12	Xây dựng cầu cứng thôn: Nậm Lúc Thượng, Nậm Lúc Hạ, xã Nậm Lúc	Thôn Nậm Lúc Thượng, Nậm Lúc Hạ, Xã Nậm Lúc	UBND huyện	0,62	0,62					
13	Đường giao thông nông thôn mở mới + cấp phối các tuyến - Khe Thượng - Làng Chàng -Khe Thượng - Minh Hà -Thôn Khe Thượng -Cốc Lầu - Bản Vàng -Mèng Đeng - Cốc Lầu	- Khe Thượng - Làng Chàng -Khe Thượng - Minh Hà -Thôn Khe Thượng -Cốc Lầu - Bản Vàng -Mèng Đeng - Cốc Lầu	UBND xã	7,43		1,20		6,23	CT NTM 2016 (Nguồn vốn vay ưu đãi)	Đã có quyết định: - QĐ số 523/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND huyện Bắc Hà - QĐ số 522/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND huyện Bắc Hà

14	Công trình đường thôn: -Thôn Sừ Mần Khang -Thôn Sín Chải -Thôn Xà Ván -Thôn Tản Chư -Thôn Tả Van Chư -Thôn Pù Chù Ván	Xã Tả Van Chư	UBND xã	5,45	0,34			5,11	NTM	
15	Mở mới tuyến đường thôn Nậm Lúc Thượng; Thôn Bản Cái	Xã Nậm Lúc	UBND xã	1,44		0,14		1,30		
16	Đường mở mới lên Đồi 3 thôn Sín Chải	Thôn Sín Chải, Xã Cốc Ly		1,50				1,50	NTM	
17	Công trình đường Tả Thồ 1 - Phìn Chư 3 (Si Ma Cai)	Thôn Tả Thồ 1, Xã hoàng Thu Phố	UBND huyện	0,40	0,40				30a	QĐ số 296/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của UBND huyện Bắc Hà
18	Đường GTNT xã Tả Van Chư: Đường Sín Chải - Lử Thần; Đường vào khu Nghĩa Địa; Đường Sừ Mần Khang - Hoàng Hạ.	Tả Văn Chư	UBND xã Tả Văn Chư	7,95				7,95	NTM	
19	Đường Nậm Lúc Thượng - Nậm Lúc Hạ	xã Nậm Lúc	UBND xã	3,00				3,00	135	
20	Đường 153 - Ngải Thầu 2	xã Na Hối	UBND xã	5,00				5,00	CPCP	
21	Đường thôn Bản Phố 2A,2B	Bản Phố	UBND xã	3,00				3,00	CPCP	
22	Đường Làng Cù - Ma Sín Chải (GĐ2) xã Bản Cái	xã Bản Cái	UBND xã	2,00				2,00	vay UD	
23	Công trình Ngầm Bản Dù 2	Bản Dù	Ban QLDA - XDCB	0,02				0,02	Vốn ngân sách + vốn khác	QĐ số 1287/QĐ-UBND ngày 05/09/2015 của UBND huyện Bắc Hà
24	Công trình lát vỉa hè và cải tạo hệ thống thoát nước thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà	Ban QLDA - XDCB	0,64				0,64	Ngân sách tỉnh 70% + Ngân sách huyện 30%	QĐ số 569/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND huyện Bắc Hà
25	Dự án thủy điện Vĩnh Hà - huyện Bảo Yên	Xã Bản Cái	Công ty CP ĐT XD&TM Quốc tế	13,44	1,54			11,89	Vốn Doanh nghiệp	QĐ số 195/QĐ-HDQT ngày 20/7/2012 của công ty CP ĐT XD & TM Quốc Tế

26	Đường nội trú vào nghĩa trang nhân dân huyện	Thị trấn Bắc Hà, xã Tà Chải	UBND huyện	0,40				0,40	Vốn Sự nghiệp ngân sách tỉnh	TT số 237/TTr-UBND ngày 20/10/2015 của UBND huyện Bắc Hà
27	Ngầm tràn Phương Mỹ (đội 3 xã Bản Liền	Bản Liền		0,07	0,03			0,04	Nguồn vốn ctrinh 135	
28	Cầu khởi xá ngoài xã Bảo Nhai	Bảo Nhai		0,11	0,02			0,09	Nguồn vốn ctrinh 135	
29	Ngầm tràn thôn Nậm Lầy - Nậm Lúc	Nậm Lúc		0,07	0,03			0,04	Nguồn vốn ctrinh 135	
30	Ngầm Nậm Nhù, xã Nậm Lúc	Nậm Lúc		0,04	0,02			0,02	Nông thôn mới	TT số 237/TTr-UBND ngày 20/10/2015 của UBND huyện Bắc Hà
31	Xây dựng Cầu các thôn của các xã - Ngải thầu xã Thái Giàng Phố - Bán Ngồ Hạ xã Nậm Mòn	Thái Giàng Phố, Nậm Mòn		0,03	0,01			0,01	Nông thôn mới	TT số 237/TTr-UBND ngày 20/10/2015 của UBND huyện Bắc Hà
III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			6,79				0,04	6,75	
1	Nghĩa trang nhân dân xã Nậm Mòn	Thôn Cốc Cải Thượng xã Nậm Mòn	UBND xã	0,20				0,20	NTM	
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn các xã: - Xã Cốc Lầu: Thôn Nậm Lòn, Mềng Đeng, Minh Hà - Xã Tà Van Chư: Thôn Xà Ván, Sín Chải, Tẩn Chư - Xã Nậm Đét: Thôn Nậm Bó, Tổng Hạ, - Xã Nậm Lúc: Thôn Nậm Kha II, Nậm Lầy - xã Lùng Phình: Thôn Pá Chư Tý 1, Pá Chư Tý 2, - Xã Hoàng Thu Phố: Thôn Sin Giáo Ngải, Bản Páy 2, Lao Phu Sán, Bản Páy 1; Tả Thổ 1. - Xã Bản Cái: Thôn Nậm Hành, Xã Bản Già Thôn Bản Già - Bản Liền: Thôn Khu Chu Tùng 2, Khu Chu Tùng 1, Xã Phìn	Xã Cốc Lầu, Xã Tà Van Chư, Xã Nậm Đét, Xã Nậm Lúc, xã Lùng Phình, Xã Hoàng Thu Phố, Xã Bản Cá, Xã Bản Già, Bản Liền	UBND xã	0,94				0,04	0,90	Vốn bền vững giảm nghèo + nhân dân đóng góp

3	Nghĩa trang nhân dân xã Na Hối: - Thôn Cốc Môi - Na Hối Nùng - Thôn Na Áng A, B, Na Hối Tây	Cốc Môi - Na Hối Nùng; Na Áng A, xã Na Hối		2,00				2,00	NTM	
4	Khu thể thao xã Na Hối	Na Áng B, Na Hối		1,00				1,00	NTM	
5	Nghĩa trang thôn các thôn của các xã Nậm Đét, Nậm Mòn, Thái Giàng Phố	- Thôn Tổng Hạ, Nậm Đét - Thôn Cốc Cài Thượng, Nậm Mòn - Thôn Ngải Ma, Xã Thái Giàng Phố	UBND huyện	2,30				2,30	NTM	
6	Chợ xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà	Xã Bảo Nhai	Ban QLDA - XDCB	0,35				0,35	Vốn ngân sách + vốn khác	QĐ số 2491/QĐ - UBND ngày 06 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Lào Cai
Tổng cộng		52 Dự án		79,52	3,98	1,39		74,15		

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016 HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	10		10,05	5,15			4,90		
1	Trạm kiểm lâm cụm xã Bản Lầu	Xã Lùng Vai	Chi cục Kiểm lâm tỉnh	0,10				0,10	Ngân sách tập trung + vốn khác	QĐ số 2491 ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
2	Trường THCS Tả Ngải Chồ	Xã Tả Nải Chồ	UBND huyện	0,15	0,1			0,05	Sự nghiệp giáo dục NS tỉnh	QĐ số 3117 ngày 19/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
3	Trường tiểu học xã Cao Sơn	T: Lồ Suối Tùng, xã Cao Sơn	UBND huyện	0,3	0,15			0,15	Sự nghiệp giáo dục NS tỉnh	QĐ số 3117 ngày 19/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
4	Mở rộng diện tích liên cấp trường TH và THCS xã Tung Chung Phố	T: Làn Tiểu Hồ, xã Tung Chung Phố	UBND huyện	1,55	1,0			0,55	Sự nghiệp giáo dục NS tỉnh	QĐ số 3117 ngày 19/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
5	Đền bù, san tạo mặt bằng xây dựng trường tiểu học Lồ Sừ Thàng (trường chính)	T: Cốc Cánh, xã Dìn Chín	UBND huyện	0,95				0,95	Ngân sách huyện	QĐ số 125/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của UBND huyện Mường Khương,
6	Hội trường kết hợp NVH xã Nậm Chảy	Xã Nậm Chảy	UBND huyện	0,6	0,15			0,45	Ngân sách tỉnh	QĐ số 3182 ngày 18/19/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
7	Hội trường kết hợp NVH xã Nậm Lư	Xã Nậm Lư	UBND huyện	0,5	0,05			0,45	Ngân sách tỉnh	QĐ số 3182 ngày 18/19/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
8	Hội trường kết hợp NVH xã Lùng Khẩu Nhín	Xã Lùng Khẩu Nhín	UBND huyện	0,5	0,1			0,4	Ngân sách tỉnh	QĐ số 3182 ngày 18/19/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
9	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Khương	TT Mường Khương	Sở Y tế	4,7	3,6			1,1	Ngân sách TW	QĐ số 2491 ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
10	Nhà làm việc khối Y tế huyện Mường Khương	TT Mường Khương	Sở Y tế	0,7				0,7	Sự nghiệp Y tế	QĐ số 2491 ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai

II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			7,70	3,50			4,20		
	1 Nâng cấp điện sinh hoạt thôn Cán Cầu 2 xã Tả Thành	Xã Tả Thành	UBND huyện	0,3				0,3	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	QĐ số 3956 ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
	2 Nâng cấp tuyến đường vào 03 trung tâm (TT bồi dưỡng Chính trị, TT nghề, TT giáo dục thường xuyên)	TT Mường Khương	UBND huyện	4,8	3,5			1,3	Sự nghiệp giao hồng	QĐ số 4315 ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
	3 Hót, sục và xây dựng kè chống sạt lở đường ra biên giới Mường Khương - Tung Chung Phố	TT Mường Khương	UBND huyện	1,0				1,0	Ngân sách tỉnh	
	4 Đường Bản Lầu – Lùng Vai – Nậm Chảy, huyện Mường Khương (bổ sung thu hồi đất)	Xã Nậm Chảy	BQLDA sở giao thông	1,6				1,6	Ngân sách tỉnh	VB số 4212/UBND-QLĐT ngày 22/9/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
III	Dự án XD dự án phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)									
	IV Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)			5,87	2,30			3,57		
1	San gạt mặt bằng TĐC quốc lộ 4, TDP Tùng Lâu 1, thị trấn Mường Khương	TT Mường Khương	UBND huyện	0,85	0,80			0,05	Ngân sách huyện	QĐ số 392/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
2	Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Tả Ngải Chồ	Xã Tả Ngải Chồ	UBND huyện	5,00	1,50			3,50	Vốn xây dựng NTM; vốn khác	
3	Chợ Thanh Bình	Xã Thanh Bình	UBND huyện	0,02				0,02	Vốn trái phiếu Chính phủ	Quyết định 2516/QĐ-UBND ngày 12/6/2015 của UBND huyện Mường Khương
Tổng cộng		17 Dự án		23,62	10,95			12,67		

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016 HUYỆN BÁT XÁT**

(Kèm theo Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức Chính trị, tổ chức xã hội chính trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)			10,34		1,00		9,34		
1	Trụ sở BQLKBT thiên nhiên và Hạt kiểm lâm	Dền Sáng	Sở NN& PTNT Lào Cai	2,50		1,00		1,50	Nguồn Vốn NSNN	QĐ số 2491/QĐ-UBND UBND tỉnh ngày 6/8/2015
2	Trường TH - Ngải Thầu - Trường Chính	Ngải Thầu	Huyện Bát Xát	0,03				0,03	Vốn SNGD 2016-2020	QĐ số 4858/QĐ-UBND của UBND huyện, ngày 23/10/2013
3	Trường PTDTBT THCS - Khu Trung Tâm	Pa Cheo	Huyện Bát Xát	0,05				0,05	Vốn SNGD 2016-2020	QĐ số 5289/QĐ-UBND của UBND huyện, ngày 30/10/2013
4	Trường THCS xã Phìn Ngan - Trung Tâm Xã	Phìn Ngan	Huyện Bát Xát	0,03				0,03	Vốn SNGD 2016-2020	QĐ số 4744/QĐ-UBND của UBND huyện, ngày 18 tháng 10 năm 2013
5	Trường TH Tòng Sánh - Huyện Bát Xát	Tòng Sánh	Huyện Bát Xát	1,00				1,00	Vốn SNGD 2016-2020	QĐ số 5323/QĐ-UBND của UBND huyện, ngày 31 tháng 10 năm 2013
6	Trường TH Sàng Ma Sáo - Trường Chính	Sàng Ma Sáo	Huyện Bát Xát	0,03				0,03	Vốn SNGD 2016-2020	QĐ số 5250/QĐ-UBND của UBND huyện ngày 28 tháng 10 năm 2013
7	Trạm kiểm lâm xã Sàng Ma Sáo	Sàng Ma Sáo	Sở NN& PTNT Lào Cai	0,10				0,10	Nguồn Vốn NSNN	QĐ số 2491/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 06 tháng 08 năm 2015
8	Trạm kiểm lâm xã Nậm Pung	Nậm Pung	Sở NN & PTNT Lào Cai	0,10				0,10	Nguồn Vốn NSNN	QĐ số 2491/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 06 tháng 08 năm 2015

9	Trường TH Nậm Pung -Thôn Kim Chu Phìn 2	Nậm Pung	Huyện Bát Xát	0,03				0,03	Vốn SNGD 2016-2020	QĐ số 4812/QĐ-UBND của UBND huyện ngày 21 tháng 10 năm 2013
10	Trường PTDTBT THCS Nậm Pung	Nậm Pung	Huyện Bát Xát	0,05				0,05	Vốn SNGD 2016-2020	QĐ số: 5285/QĐ-UBND của UBND huyện, ngày 30 tháng 10 năm 2013
II	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)			59,65	5,99	3,95	-	49,71		
1	Công trình thủy lợi + Khu đồn biên phòng - AMS	A Mú Sung	Bộ chỉ huy BDBP	19,28	0,93	2,00		16,35	Nguồn vốn trung ương	QĐ số 992/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 26 tháng 04 năm 2013
2	Công trình xây dựng Cầu ở thôn Vi Phái	Bản Qua	Tỉnh Lào Cai	0,07	0,01			0,06	Nguồn vốn trung ương	QĐ số: 4925/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 29 tháng 10 năm 2014
3	Kè biên giới Sông Hồng Mốc 96(2)-mốc 97(2)	Cốc Mỹ	Bộ chỉ huy BDBP	3,70	0,50			3,20	Nguồn vốn trung ương	QĐ số: 992/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 26 tháng 08 năm 2013
4	Xây dựng Nhà QLVH thủy điện Cốc San	Cốc San	Cty CPNL tái tạo Lào Cai	0,50				0,50	Vốn Doanh nghiệp	QĐ số: 4802/QĐ-UBND của UBND huyện, ngày 21 tháng 10 năm 2013
5	Kè Biên giới Sông Hồng khu vực thôn Tân Hồng	Bản Qua	Sở NN & PTNT tỉnh Lào Cai	9,80				9,80	Nguồn NSTW	QĐ số: 2892/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 24 tháng 10 năm 2012
6	Kè Biên giới Sông Hồng khu vực thôn Ma Cò	Nậm Chạc	Sở NN & PTNT tỉnh Lào Cai	9,00				9,00	Nguồn NSTW	QĐ số: 2892/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 24 tháng 10 năm 2012
7	Nâng cấp hồ chứa nước thủy lợi thôn Luổng Đơ	Cốc San	Sở NN & PTNT tỉnh Lào Cai	1,00				1,00	Nguồn Vốn NSNN	QĐ số: 1706/QĐ-UBND của UBND huyện, ngày 26 tháng 06 năm 2014
8	Xây dựng Cầu thay thế ngầm Dền Sáng	Dền Sáng	Sở GTVT	0,50	0,05	0,45			Vốn NSNN+ vốn khác	QĐ số: 3187/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 29 tháng 10 năm 2014

9	Công trình Thủy lợi Cô Đông nhánh 2-Dền Thàng	Dền Thàng	Huyện Bát Xát	0,35				0,35	Nguồn Vốn NSNN	QĐ số: 2525/QĐ-UBND của UBND huyện, ngày 11 tháng 08 năm 2015
10	Xây dựng công trình Thủy điện Tà Lối 1	Trung Lềng Hồ	Cty CPĐTX DHT và giao thông	4,94	0,80			4,14	Vốn Doanh nghiệp	QĐ số 09/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 02 năm 2015
11	Xây dựng công trình Thủy điện	Bản Xèo	Cty TNHH MTV TĐ MHum	11,50	3,10			8,40	Vốn Doanh nghiệp	CV số 98/CV-ĐKSDĐ của CT ngày 19/8/2015
12	Xây dựng công trình Thủy điện Tà Lối 2	Trung Lềng Hồ	Cty CPĐTX DHT và giao thông	2,60	0,60	1,50		0,50	Vốn Doanh nghiệp	QĐ số 09/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 02 năm 2015
13	Công trình Thủy lợi thôn Láo Vàng Chải = 2004	Tòng Sánh	Tỉnh Lào Cai	0,25				0,25	Vốn SNNN 2016-2020	QĐ số: 3385/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 13 tháng 08 năm 2015
14	Công trình Thủy lợi thôn Láo Vàng Chải = 2008	Tòng Sánh	Tỉnh Lào Cai	0,25				0,25	Vốn SNNN 2016-2020	QĐ số: 3385/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 13 tháng 08 năm 2015
15	Tuyến đường từ TL 156 đi tổ 7 TT Bát Xát	Thị Trần BX	Sở GTVT	1,20				1,20	Nguồn Vốn NSNN	QĐ số: 2246/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 13 tháng 06 năm 2014
16	Công trình thủy lợi thôn Nà Lặc - Suối Tả Hồ	Trịnh Tường	Huyện Bát Xát	0,35				0,35	Vốn SNNN 2016-2020	TT số: 130/QĐ-UBND của UBND huyện, ngày 20 tháng 07 năm 2015
17	Công trình thủy lợi thôn Bản Mạc- Trịnh tường	Trịnh Tường	Tỉnh Lào Cai	0,20				0,20	Vốn SNNN 2016-2020	QĐ số: 3320/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 28 tháng 07 năm 2015
18	Công trình thủy lợi thôn Tân Quang - Trịnh tường	Trịnh Tường	Tỉnh Lào Cai	0,15				0,15	Vốn SNNN 2016-2020	QĐ số: 4315/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 31 tháng 12 năm 2014
19	Công trình dựng kè biên giới Sông Hồng - Bản Qua	Cốc Mỳ	Bộ chỉ huy BDBP	0,15				0,15	Vốn NS trung ương	QĐ số 992/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 26 tháng 04 năm 2013
20	Xử lý sụt sạt đoạn đường UBND xã - Tiên Sinh	Y Tý	Sở NN & PTNT tỉnh Lào Cai	0,72				0,72	Vốn NS W hỗ trợ cho quốc phòng	QĐ số 992/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 26 tháng 04 năm 2013
21	Công trình xây dựng trụ sở XNKD nước sạch	Bản Qua	Công ty TNHH MTV KDNS	0,33				0,33	Vốn NS hỗ trợ 50%, Vốn DN 50%	QĐ số 2890/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 24 tháng 10 năm 2012

22	Mở rộng xí nghiệp kinh doanh Nước sạch	Bản Vực	Công ty TNHH một thành viên KDNS	0,20				0,20	Vốn vay và vốn tự có của DN 50%	QĐ số 3007/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 21 tháng 10 năm 2014
III	Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 ĐĐ)			5,80		1,80		4,00		
1	Nhà văn hóa kết hợp Hội trường UBND xã	A Mú Sung	Huyện Bát Xát	0,40				0,40	Vốn NQ 37+ Vốn khác	QĐ số 3182/QĐ-UBND của UBND huyện ngày 18 tháng 09 năm 2015
2	Xây dựng điểm sắp xếp dân cư biên giới tập trung	Trịnh Tường	Chi cục phát triển NT Lào Cai	2,90		1,80		1,10	Nguồn Vốn NSTW	QĐ số 2892/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 24 tháng 10 năm 2012
3	Quy hoạch mở rộng khu cửa khẩu phụ bản vực	Bản Vực	Tỉnh Lào Cai	2,50				2,50	Vốn NS+vốn khác	QĐ số 992/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 26 tháng 04 năm 2013
IV	Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)			48,75				48,75		
1	Quy hoạch chi tiết khu Kim Thành mở rộng	Quang Kim	Ban QL khu kinh tế	48,75				48,75	Nguồn Vốn của tỉnh LC	QĐ số 3199/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 30 tháng 10 năm 2014
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)									
	Tổng số	36 Dự án		124,54	5,99	6,75		111,80		

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016 HUYỆN SA PA

(Kèm theo Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			0,03				0,03		
1	Trường TH Sa Pả - thôn Sả Sếng (bổ sung)	xã Sả Pả	UBND huyện Sa Pa	0,03				0,03	Vốn NS	Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện Sa Pa
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			31,370	4,000			27,370		
1	Nâng cấp đường vào cầu treo thôn Móng Sến 2 - Trung Chải	xã Trung Chải	Ban QLDA ODA huyện	0,32				0,32	ODA	Kế hoạch dự án giảm nghèo tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2 (2015-2018)
2	Nâng cấp đường tỉnh lộ 152 - thôn Lò Lao Chải	xã Lao Chải	Ban QLDA ODA huyện	0,56				0,56	ODA	Kế hoạch dự án giảm nghèo tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2 (2015-2018)
3	Đường vào thôn Nậm Sang xã Nậm Sài	xã Nậm Sài	Ban QLDA ODA huyện	0,32				0,32	ODA	Kế hoạch dự án giảm nghèo tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2 (2015-2018)

IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			1,500			1,500		
1	Xây dựng các mô hình về dạy nghề nông lâm nghiệp, nhà xưởng	Tổ 1 thị trấn Sa Pa	UBND huyện	1,50			1,50	Ngân sách	Quyết định 4279/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)								
VI	Danh mục công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép			28,800	1,500		27,300		
1	Dự án Làng Sinh Thái - Eco Sa Pa Village	xã Lao Chải	Cty CP du lịch sinh thái cộng đồng	15,00	1,00		14,00	Vốn DN	Công văn số 4001/UBND-TH ngày 09/9/2015 của UBND tỉnh Lào Cai
2	Dự án Khu du lịch Làng núi Sa Pa	xã Lao Chải	Cty CP du lịch Suối Hoa	13,80	0,50		13,30	Vốn DN	Quyết định 2773/QĐ-UBND ngày 27/10/2013 của UBND tỉnh
Tổng cộng		14 Dự án		61,70	5,50		56,20		